TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2017/QĐST - HNGĐ	*B, ngày 18 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 141/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: ChịNguyễn Thị P, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Ch, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Anh Võ Ngọc D, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn Ch, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 7 năm 2017, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ChịNguyễn Thị P và anh Võ Ngọc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*:

Hai đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Võ Ngọc Đ, sinh ngày 19/11/2005 và Võ Ngọc P, sinh ngày 16/8/2007. Sau khi ly hôn hai đương sự thống nhất giao con Võ Ngọc Đ cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao con Võ Ngọc P cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho bên nào. Sau khi ly hôn không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* *Về tài sản chung:* Tại phiên hoà giải các đương sự thoả thuận với nhau việc phân chia tài sản chung, nợ chung và yêu cầu Toà án ghi vào biên bản hoà giải

và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể:

ChịNguyễn Thị P, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Ch, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình thoả thuận giao toàn bộ tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà tạm có diện tích khoảng 20m^2, trị giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) được xây dựng trên thửa đất của bà Nguyễn Thị Chuyền, sinh năm 1958, Trú tại: Thôn Ch, xã Ph, huyện B, tỉnh Quảng Bình là mẹ của chị P (Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 30 bộ bàn ghế (bàn thép INOX, ghế nhựa) cho thuê đám cưới trị giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); 01 xe máy SH mang tên Nguyễn Thị P có biển kiểm soát 73F1 – 29498, số khung: 5113FY225532, số máy JF51E0376814 đăng ký ngày 15/7/2016 do Công an huyện B cấp có trị giá 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho anh Võ Ngọc D, sinh năm 1983 có quyền sở hữu và sử dụng, nhưng anh Võ Ngọc D, sinh năm 1983 có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi tại Ngân hàng chính sách huyện B, tỉnh Quảng Bình.

** Về án phí*: Nguyên đơn nhất trí thoả thuận chịu án phí ly hôn 150.000đ theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002522 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình, nguyên đơn được nhận lại 650.000đ. Bị đơn thoả thuận chịu 50% tiền án phí phần tài sản mà họ được hưởng là 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAQB;
- VKSND huyện B (2 bản);
- Chi cục THADS huyện B;
- Hai đương sự (2 bản);
- UBND xã B;
- Lưu HSVA;
- Lưu AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Phú Quảng